

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về kế hoạch, gói thầu:

a. Kế hoạch:

- Tên kế hoạch: Dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Bát Tràng giai đoạn 2026-2030

- Nguồn vốn: Ngân sách

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Bát Tràng

b. Gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Bát Tràng giai đoạn 2026-2030 (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2030).

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 05 năm (từ ngày 01/01/2026 - 31/12/2030).

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

- Phạm vi công việc của gói thầu: Được nêu tại biểu Mẫu 01B (webform trên Hệ thống) – Phạm vi cung cấp thuộc E-HSMT.

- Địa điểm: Xã Bát Tràng, Thành phố Hà Nội.

- Thuế giá trị gia tăng: Theo quyết định Phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Giá gói thầu được duyệt đã bao gồm thuế VAT năm 2026 là 8% và các năm tiếp theo (2027-2030) là 10%. Đề nghị các nhà thầu khi tham dự thầu chào giá theo Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống) đã bao gồm thuế VAT theo các thông tin nêu trên. Giá trị thuế VAT sẽ được chuẩn xác theo quy định của Nhà nước tại thời điểm nghiệm thu thanh toán.

- Khối lượng các năm:

STT	Mã Hiệu	Hạng mục	Đơn vị	2026	2027	2028	2029	2030
				Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng
A	Thu gom chất thải rắn sinh hoạt							
1	TG.1.1	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường phố đến điểm tập kết	Km	2.979,24	2.979,24	2.979,24	2.979,24	2.979,24

STT	Mã Hiệu	Hạng mục	Đơn vị	2026	2027	2028	2029	2030
				Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng
2	TG.1.4	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	Km	4.378,48	4.378,48	4.378,48	4.378,48	4.378,48
3	TG.1.6	Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân tại ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	Km	14.223,54	14.223,54	14.262,51	14.223,54	14.223,54
4	TG.2.3	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 1,5 tấn	tấn	8.335,61	8.835,75	9.391,55	9.927,85	10.523,52
5	TG.2.5	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn	tấn	3.517,77	3.728,84	3.963,39	4.189,72	4.441,10
B	Vận chuyển							
1	VC1.3.1	Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn	tấn	1.064,10	1.074,74	1.085,49	1.096,34	1.107,30
2	VC1.12	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn. Cự ly 50-55 km	tấn	3.517,77	3.728,84	3.963,39	4.189,72	4.441,10
3	VC1.13	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	tấn	14.094,46	14.940,13	15.879,92	16.786,73	17.793,93
4	VC.2.0	Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn	tấn	260,00	275,60	292,14	309,66	328,24

STT	Mã Hiệu	Hạng mục	Đơn vị	2026	2027	2028	2029	2030
				Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng	Khối lượng
C	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt					-	-	
1	VS.1.0	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	điểm	1.825,00	1.825,00	1.830,00	1.825,00	1.825,00
II	Vệ sinh công cộng							
1	CC1.2	Duy trì vệ sinh đường, hệ phố bằng cơ giới kết hợp thủ công	km đường					
		<i>Duy trì các tuyến phố còn lại</i>		8.077,45	8.077,45	8.909,54	8.885,20	9.773,71
2	CC.2.2	Quét hệ phố bằng thủ công	m2					
		<i>Thực hiện hàng ngày</i>		5.630.125,00	5.630.125,00	6.210.105,00	6.193.137,50	6.193.137,50
		<i>Thực hiện 2 ngày/lần</i>		9.821.061,00	9.821.061,00	9.821.061,00	9.821.061,00	9.821.061,00
3	CC.3.0	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	km					
		<i>Thực hiện hàng ngày</i>		7.146,70	7.146,70	7.166,28	7.146,70	7.146,70
		<i>Thực hiện 2 ngày/lần</i>		6.447,09	6.447,09	12.894,18	12.858,95	12.858,95
4	CC.4.0	Quét ngõ xóm bằng xe chuyên dùng	km	5.003,22	5.003,22	5.003,22	5.003,22	5.003,22
5	CC.5.1	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m3 < xe < 16 m3	km					
		<i>cấp độ 3 - 2 lần/tuần</i>	km	2.760,16	4.856,82	4.856,82	4.856,82	4.856,82
III	Tăng cường các ngày lễ, tết							
1		Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	km	673,44	673,44	673,44	673,44	673,44
2		Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m3 < xe < 16 m3	km	373,52	373,52	373,52	373,52	373,52

c. Các căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy trình kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Văn bản số 9877/SNNMT-QLCTR ngày 24/11/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho giai đoạn từ năm 2026;

- Căn cứ Văn bản số 6265/TBND-NNMT ngày 25/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố;

- Căn cứ Văn bản số 10011/SNNMT-QLCTR ngày 26/11/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc hướng dẫn đổi mới nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho giai đoạn từ năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND xã Bát Tràng về việc phê duyệt khối lượng, thời gian, dự toán và Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu để thực hiện gói thầu: “Dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Bát Tràng giai đoạn 2026-2030”;

- Các Văn bản, tài liệu khác có liên quan.

2. Mục tiêu công việc:

Dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Bát Tràng giai đoạn 2026-2030 (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2030).

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1 Quy trình công nghệ áp dụng:

TT	Nội dung	Quy trình
1	Quy trình kỹ thuật thu gom thủ công chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm tập kết, trạm trung chuyển/chuyển tải	Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy trình kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố
2	Quy trình kỹ thuật thu gom cơ giới chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận, điểm chuyển tải	
3	Quy trình kỹ thuật vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận, từ trạm trung chuyển, điểm chuyển tải đến cơ sở xử lý	

4	Quy trình kỹ thuật vận chuyển chất thải công nghiệp từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý	Hà Nội
5	Quy trình kỹ thuật vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	
6	Quy trình kỹ thuật duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công	
7	Quy trình kỹ thuật quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	
8	Quy trình kỹ thuật quét hè phố bằng thủ công	
9	Quy trình kỹ thuật quét ngõ xóm bằng cơ giới	
10	Các quy trình khác về kỹ thuật thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội	

3.2 Yêu cầu về các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ phải thể hiện rõ quy trình kỹ thuật, công nghệ áp dụng, yêu cầu chất lượng phù hợp với kế hoạch tổ chức cung cấp dịch vụ;

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, thu gom và vận chuyển rác thải theo quy trình công nghệ, nêu đầy đủ các nội dung trong phạm vi công việc, có thuyết minh và bản vẽ tuyến đường, ngõ, điểm tập kết, trung chuyển rác trên địa bàn;

- Đề xuất lộ trình và phương án vận chuyển rác thải tối ưu, đảm bảo không ùn tắc giao thông, không phát tán mùi hôi.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Được quy định cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.